

Số: 69/KHCL-THCSHL

Mường Tùng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

**KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2025- 2030**

CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;
- Căn cứ Nghị quyết số 29, Khóa XI của BCH TW Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”;
- Căn cứ thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục.
- Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
- Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2025.
- Căn cứ vào Thông tư số 12/VBHN-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 31 tháng 12 năm 2024 Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 – 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và hoạt động của tập thể sư phạm nhà trường để đáp ứng đổi mới nền kinh tế xã hội.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh ra đời

1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực (bên ngoài)

Đến năm 2025, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều thay đổi sâu rộng, đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh mẽ của các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây và tự động hóa. Các quốc gia phát triển như Mỹ, các

nước Tây Âu, và Nhật Bản đã và đang tiến hành các cuộc cải cách sâu rộng trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt chú trọng đến việc tích hợp công nghệ số vào giảng dạy và học tập.

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã tạo ra nhiều cơ hội lớn nhưng cũng không ít thách thức. Đặc biệt là sự thay đổi về nhu cầu lao động, khi các công việc truyền thống dần được thay thế bằng các công việc yêu cầu kỹ năng công nghệ cao. Việc này đẩy mạnh nhu cầu đào tạo nhân lực với các kỹ năng sáng tạo, kỹ thuật số và khả năng giải quyết vấn đề.

Ở khu vực Đông Nam Á, những quốc gia như Singapore, Malaysia và Thái Lan tiếp tục chú trọng phát triển giáo dục để không chỉ thu hút du học sinh quốc tế mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh trong khu vực. Tuy nhiên, sự bất ổn về chính trị và xã hội ở một số nước vẫn là vấn đề cần quan tâm. Các quốc gia này tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào giáo dục số và giáo dục toàn diện để cải thiện chất lượng giáo dục.

Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu này, đang tích cực tham gia vào cuộc cách mạng công nghiệp và hướng tới xây dựng một nền giáo dục hiện đại, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động toàn cầu. Tuy nhiên, để làm được điều này, các cơ sở giáo dục như Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng cần nhận thức rõ về những cơ hội và thách thức đang tồn tại, đồng thời xây dựng chiến lược phát triển phù hợp.

1.2 Bối cảnh trong nước

Vào năm 2025, Việt Nam đang tiến hành thay đổi trong hệ thống chính quyền địa phương, khi chuyển từ mô hình 3 cấp sang mô hình chính quyền 2 cấp. Sự thay đổi này tạo ra những ảnh hưởng trực tiếp đến quản lý và triển khai các chính sách giáo dục. Việc giảm bớt các cấp trung gian sẽ giúp cải thiện tính linh hoạt và hiệu quả trong việc phân bổ ngân sách, tài nguyên giáo dục, đồng thời tăng cường trách nhiệm của các cấp chính quyền trực tiếp đến từng trường học.

Đặc biệt, Nghị định 71/2025 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng giáo dục có tác động mạnh mẽ đến nền giáo dục Việt Nam. Nghị định này nhấn mạnh việc chuyển đổi phương pháp dạy và học, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý giáo dục. Các địa phương sẽ phải đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên có năng lực về công nghệ và sáng tạo trong phương pháp giảng dạy. Đồng thời, Nghị định cũng yêu cầu các trường học phải tạo ra môi trường học tập hiện đại, gắn liền với yêu cầu của nền kinh tế số và thị trường lao động trong kỷ nguyên 4.0.

Bên cạnh đó Đại hội đại biểu Đảng uỷ xã Mường Tù lần thứ I và Đại hội đại biểu Đảng tỉnh Điện Biên lần thứ XV đã đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng về phát triển nguồn nhân lực và đầu tư cho giáo dục. Các đại hội này nhấn mạnh việc nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt là giáo dục cơ bản, giáo dục nghề nghiệp và đào tạo kỹ năng số cho học sinh, sinh viên; việc phát triển giáo dục chất lượng cao, đặc biệt là ở khu vực miền núi, được coi là ưu tiên hàng đầu. Các chính sách mới tập trung vào việc cải thiện cơ sở hạ tầng giáo dục, tạo điều kiện học tập cho học sinh ở vùng sâu, vùng xa, đồng thời thúc đẩy đào tạo nghề và giáo dục kỹ năng cho thanh niên, góp phần nâng cao chất lượng lao động và đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế trong tương lai.

Tiến tới Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIV, các định hướng về giáo dục tiếp tục được quan tâm và sẽ có tác động lớn đối với toàn bộ hệ thống giáo dục từ cơ sở đến các trường đại học. Từ đó, các cơ sở giáo dục như Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng sẽ cần phải bám sát các chính sách, chủ trương của Đảng để thực hiện cải cách giáo dục phù hợp với chiến lược phát triển của đất nước, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng nền giáo dục hội nhập quốc tế và bước vào Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

2. Chức năng nhiệm vụ của nhà trường

Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục cho học sinh trên địa bàn xã Mường Tùng đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục;

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại nhà trường.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

3. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

"Trường THCS Huổi Lèng được thành lập từ năm 2004. Đến ngày 06/6/2011, thực hiện Quyết định số 633/QĐ-UBND của UBND huyện Mường Chà, nhà trường chính thức chuyển đổi mô hình và đổi tên thành Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Huổi Lèng.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước trưởng thành, khẳng định vị thế là trung tâm giáo dục tin cậy tại địa bàn. Những nỗ lực của tập thể sư phạm nhà trường không chỉ góp phần quan trọng vào việc nâng cao dân trí, ổn định an sinh xã hội và thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát

triển kinh tế - xã hội của xã Mường Tùng, mà còn đóng góp tích cực vào sự nghiệp giáo dục - đào tạo chung của tỉnh Điện Biên trong thời kỳ đổi mới."

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền, trực tiếp là Đảng ủy - HĐND - UBND xã Mường Tùng và sự quan tâm, tạo điều kiện từ lãnh đạo tỉnh Điện Biên. Bên cạnh đó là sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan ban ngành, tổ chức đoàn thể địa phương; đặc biệt là sự đồng thuận, gắn kết chặt chẽ của các bậc phụ huynh cùng nhân dân trên địa bàn đã tạo động lực mạnh mẽ giúp nhà trường hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng có vị trí địa lý thuận lợi khi nằm ngay trên trục đường Quốc lộ 12. Trường có khuôn viên rộng rãi với tổng diện tích 5002m², được bao quanh bởi hệ thống hàng rào kiên cố, đảm bảo môi trường sư phạm an toàn và biệt lập.

Cơ sở vật chất của nhà trường hiện nay tương đối khang trang, đáp ứng tốt yêu cầu dạy và học theo chương trình mới, bao gồm: 06 phòng học kiên cố và 04 phòng học bán kiên cố; 03 phòng học bộ môn, 09 phòng làm việc, 01 phòng Hội đồng và 01 phòng Thư viện - Thiết bị; Khu vực sân trường đã được bê tông hóa hoàn toàn, sạch đẹp; hệ thống vệ sinh dành cho giáo viên và học sinh được xây dựng riêng biệt, đảm bảo tiêu chuẩn.

Trong những năm qua, trường đã phấn đấu không ngừng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ các năm học. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành, đã đang và sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh địa phương. Năm học 2019-2020, trường PTDTBT THCS Huổi Lèng đã được công nhận lại trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 và trường chuẩn Quốc gia mức độ 1; trường đã duy trì đạt chuẩn phổ cập Mức độ III.

4. Thành tích đạt được

Trong những năm qua, Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng liên tục được công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc" và tặng Giấy khen, Bằng khen, cờ thi đua của UBND huyện và UBND tỉnh cụ thể năm học 2020-2021 nhận Bằng khen của UBND Tỉnh, năm học 2021-2022 nhận cờ thi đua của UBND Tỉnh, năm học 2022-2023 nhận Bằng khen của UBND Tỉnh, năm học 2023-2024 đạt tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh, năm học 2024-2025 đạt tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh. Hằng năm, có trên 85% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến", 4-6 cá nhân được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở", 01-2 cá nhân đạt Bằng khen UBND tỉnh.

Nhà trường đã từng bước cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu dạy và học, xây dựng nhà trường xanh – sạch – đẹp – thân thiện; chất lượng giáo viên được nâng cao, nhà trường có 100 % giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp; chất lượng học sinh được nâng lên rõ rệt, hàng năm có trên 99% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt ngày càng cao, có nhiều học sinh tham gia các kỳ thi năng khiếu, sân chơi trí tuệ đạt giải cao.

5. Nhu cầu phát triển của nhà trường đáp ứng nhiệm vụ được giao và hội nhập quốc tế

Cải thiện chất lượng giáo dục và phương pháp giảng dạy: Đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào các bài giảng nhằm khơi dậy tư duy sáng tạo và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh ngay từ những năm đầu tiểu học. Phát triển cơ sở hạ tầng hiện đại: Đầu tư vào các trang thiết bị học tập hiện đại như máy tính, bảng tương tác, xây dựng môi trường học tập sinh động và thân thiện.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên: Đào tạo giáo viên sử dụng công nghệ giảng dạy, áp dụng các phương pháp dạy học sáng tạo, và xây dựng một môi trường lớp học tích cực.

Phát triển kỹ năng số cho học sinh: Giới thiệu các công cụ học tập số, giúp học sinh làm quen và phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ từ bậc tiểu học.

Hội nhập quốc tế và giáo dục toàn diện: Khuyến khích học sinh tham gia các chương trình giao lưu, tạo cơ hội để các em học hỏi từ các nền giáo dục khác, giúp mở rộng tầm nhìn toàn cầu.

Cải thiện quản lý và sử dụng tài nguyên hiệu quả: Ứng dụng phần mềm quản lý học sinh và các hoạt động giáo dục, tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giảng dạy và quản lý học sinh.

6. Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

Xã Mường Tùng, tỉnh Điện Biên được thành lập theo Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025, trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã Huổi Lèng và Mường Tùng (cũ) thuộc huyện Mường Chà (cũ), tỉnh Điện Biên.

Xã Mường Tùng là xã thuộc miền núi phía Bắc tỉnh Điện Biên cách trung tâm đô thị Mường Lay (thị xã Mường Lay cũ) khoảng 15km về phía Tây Bắc và cách trung tâm tỉnh Điện Biên (thành phố Điện Biên Phủ cũ) khoảng 80km về phía Nam.

Đây là khu vực ngã 3 giao điểm QL12 và DT150 (được xác định nâng cấp lên thành đường nhánh QL12D) là 2 trục chiến lược trong vận tải kết nối liên vùng của tỉnh Điện Biên có vị trí mang tính chuyển tiếp giữa vùng trung phía Nam từ trung tâm đô thị Điện Biên Phủ tới các điểm xã và đô thị vùng cao Tây Bắc. Trong đó QL 12 có vai trò là trục kết nối Bắc – Nam liên vùng thúc đẩy liên kết phát triển kinh tế vận tải hàng hóa liên vùng cung ứng chuỗi hàng hóa các phường trung tâm tỉnh Điện Biên và cửa khẩu Tây Trang phía Nam, đặc biệt với vị trí cách trung tâm tỉnh Lai Châu khoảng 137km về phía Bắc hiện nay trục QL12 đóng vai trò là tuyến giao thương hàng hóa trọng điểm về nông lâm sản của với tỉnh Lai Châu. Bên cạnh đó trục kết nối Đông – Tây. DT150 (QL12D) lại giữ vai trò như trục xương sống phát triển kinh tế chính cho các vùng đô thị và nông thôn phía Bắc, gắn kết chặt chẽ với hỗ trợ sản xuất lâm nghiệp và vận tải hàng hóa đặc biệt là lâm sản qua cửa khẩu Quốc gia Lào và Trung Quốc, đồng thời cũng đóng vai trò là tuyến vận tải hành khách du lịch trọng điểm đến các vùng sinh thái Tây Bắc tỉnh Điện Biên.

Địa hình chủ yếu là đồi, núi bị chia cắt bởi khe suối, dốc cao, đất canh tác ít, giao thông đi lại khó khăn; đời sống nhân dân còn nhiều hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo ở mức cao. Dân cư trên địa bàn chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống phân tán tại các bản làng xa xôi, nghề nghiệp chủ yếu là làm nương rẫy mặt bằng dân trí và điều kiện phát triển kinh tế – xã hội còn thấp so với trung bình của tỉnh.

Xã Mường Tùng có tổng diện tích là 274,75 km² (khoảng 27.474,78 ha – theo Văn bản số 5058/UBND-NC ngày 23/09/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về báo cáo kết quả rà soát, xác định số liệu về diện tích tự nhiên các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã), dân số hiện trạng khoảng 9624 người (theo báo cáo số: 371/BC- UBND ngày 19/11/2025 của UBND xã Mường Tùng).

Quy mô dân số dự báo đến năm 2035 khoảng 12.440 người; và đến năm 2045 khoảng: 16.081 người.

Ranh giới tiếp giáp cụ thể:

- Phía Bắc: Giáp xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu;
- Phía Tây: Giáp xã Chà Tờ, tỉnh Điện Biên;
- Phía Nam: Giáp xã Na Sang; tỉnh Điện Biên;
- Phía Đông và Đông Bắc: Giáp xã Pa Ham và phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾT QUẢ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Những ưu điểm

1.1. Công tác tổ chức và quản lý nhà trường

Ban giám hiệu là một tập thể đoàn kết, có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn chủ động có kế hoạch cụ thể, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Công tác tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Khi thực hiện luôn chủ động điều chỉnh kế hoạch kịp thời sát với thực tế. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và cha mẹ học sinh nhà trường.

1.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên.

Tổng số CB- GV- CNV: 30, Trong đó CBQL: 03, GV: 22, NV: 05 (kế toán, văn thư, Thiết bị, y tế, bảo vệ)

Trình độ chuyên môn: 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo.

Số lượng BGH đủ theo quy định, có trình độ chuyên môn, có uy tín, kinh nghiệm quản lý, được sự ủng hộ của GV, NV nhà trường. BGH tích cực đổi mới, sáng tạo, thích ứng trong lãnh đạo, quản trị nhà trường. Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018

Đội ngũ giáo viên và nhân viên đảm bảo về số lượng, chất lượng, nhiệt tình có trách nhiệm, yêu nghề mến trẻ, gắn bó với nhà trường, mong muốn trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

1.3 Cơ sở vật chất:

Có đủ phòng học đảm bảo 01 lớp/phòng. Có các phòng chức năng, phòng học bộ môn cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học. Tuy nhiên vẫn còn thiếu so với quy định. Nhà trường được trang bị khá đầy đủ trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học.

1.4 Tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục

Nhà trường thường xuyên tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời phối kết hợp có hiệu quả trong việc xây dựng kế hoạch phát triển chung của xã cũng như việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục như: công tác phổ

cập giáo dục, xóa mù chữ, công tác huy động học sinh ra lớp, công tác xã hội hóa giáo dục, ...

1.5 Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Nhà trường tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục với việc thực hiện đảm bảo nội dung chương trình giáo dục, các phương pháp dạy học linh hoạt, tích cực, hình thức dạy học phong phú, đa dạng phù hợp với đối tượng học sinh.

Đến nay, nhà trường đã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. Tỷ lệ chuyển lớp hàng năm đạt trên 99%; tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt 9 %. Học sinh được hình thành và phát triển những phẩm chất tốt, những năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội mới.

2. Những hạn chế, yếu kém

2.1. Việc tổ chức và quản lý nhà trường

Chưa đào tạo, huấn luyện được nhiều giáo viên, cán bộ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng ở tất cả các môn học.

Đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên vẫn còn mang tính động viên.

2.2. Đội ngũ giáo viên, công nhân viên.

Một bộ phận nhỏ giáo viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới giảng dạy, giáo dục học sinh, còn có tâm lý ngại đổi mới, việc ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số còn hạn chế.

Trình độ ngoại ngữ, tin học tuy đã được cải thiện nhưng còn thấp đây là trở ngại rất lớn trong việc tiếp cận những cái mới của khu vực và trên thế giới.

Việc tự học, tự bồi dưỡng ở một số ít giáo viên còn hạn chế.

2.3. Cơ sở vật chất:

Chưa đồng bộ, hiện đại. Chưa có đủ các phòng, chức năng, phòng học bộ môn chưa đảm bảo tiêu chuẩn. Số lượng máy chiếu, Ti vi chưa đủ 1 cái /lớp, phòng tin học hệ thống máy tính chưa đủ 01 bộ /HS. Cơ sở vật chất phục của nhà trường đã xuống cấp, cần phải sửa chữa.

2.4. Tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục

Việc phối hợp trong công tác tuyên truyền nhân dân, phụ huynh tham gia cùng giáo dục học sinh chưa đạt hiệu quả cao. Gia đình chưa quan tâm đến con em mình, như còn HS mồ côi, bố mẹ đi làm ăn xa, ở nhà với người thân.

1.5. Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Chất lượng giáo dục còn thấp, việc phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu chưa hiệu quả cao.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

Trong công tác quản lý còn chưa quyết liệt.

Một số ít giáo viên năng lực chuyên môn còn hạn chế, tự học và bồi dưỡng còn chưa tự giác, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

Cơ sở vật chất không được đầu tư đồng bộ, nguồn ngân sách hạn hẹp, nguồn tài chính từ vận động xã hội hóa giáo dục còn hạn chế.

Nhận thức của người dân ở một số điểm vùng cao về vai trò của giáo dục còn hạn chế.

Việc xây dựng, đào tạo chất lượng mũi nhọn chưa quyết liệt.

4. Các vấn đề cần giải quyết trong giai đoạn 2025-2030

Quản lý và điều hành: Kiện toàn công tác quản lý, điều hành của Ban giám hiệu theo hướng chuyên biệt, phân công rõ ràng, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản trị, theo các giải pháp đột phá của Nghị quyết 71.

Nâng cao chất lượng đội ngũ: Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, phát triển kỹ năng công nghệ thông tin và phương pháp giảng dạy hiện đại.

Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá: Áp dụng các phương pháp dạy học linh hoạt, sáng tạo, chú trọng phát triển năng lực học sinh, đánh giá toàn diện và khuyến khích tính chủ động, sáng tạo, tăng cường bồi dưỡng học sinh năng khiếu.

Ứng dụng công nghệ thông tin: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong dạy học và quản lý, đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ như máy tính, máy chiếu cho mỗi lớp học, phòng học bộ môn, các phòng chức năng.

Giáo dục kỹ năng sống và hòa nhập: Triển khai chương trình giáo dục kỹ năng sống, tạo cơ hội cho học sinh tham gia giao lưu, phát triển kỹ năng mềm, năng lực số, công dân số.

Tổ chức triển khai dạy học tiếng Anh theo định hướng “đưa Tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai” trong trường tiểu học theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường điều kiện dạy học tiếng Anh, bồi dưỡng giáo viên, xây dựng môi trường học tập và sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh.

Cải tạo cơ sở vật chất: Tham mưu các cấp chính quyền đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, đảm bảo trang bị đầy đủ thiết bị dạy học; tăng cường công tác vận động xã hội hóa giáo dục nhằm tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Tầm nhìn

Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng phấn đấu trở thành một trường tiên tiến, có chất lượng giáo dục toàn diện hàng năm được nâng lên và cải thiện hàng năm, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, là địa chỉ tin cậy cho phụ huynh, nơi học sinh và nhân dân trên địa bàn xã.

2. Sứ mệnh

Xây dựng một ngôi trường hạnh phúc, nơi học sinh và giáo viên được phát triển toàn diện trong môi trường thân thiện, sáng tạo và đầy cảm hứng. Tại đây, học sinh có cơ hội phát huy tối đa tiềm năng, rèn luyện kỹ năng sống và phẩm chất tốt đẹp. Giáo viên được tạo điều kiện để trở thành những nhà giáo xuất sắc, yêu nghề và sáng tạo, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho tương lai của học sinh.

3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường:

- Tính kỷ cương, dân chủ, sự tôn trọng
- Tình đoàn kết, yêu thương
- Sự hợp tác, hội nhập
- Tinh thần trách nhiệm, tính trung thực
- Tính đột phá, sáng tạo, đổi mới

- Khát vọng vươn lên

Những giá trị này sẽ là nền tảng vững chắc giúp nhà trường phát triển bền vững, tạo dựng môi trường học tập tốt nhất cho học sinh và đội ngũ giáo viên.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu dài hạn

Đến năm 2030, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

1.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ II, nâng cao một số tiêu chí, đặc biệt tiêu chí về cơ sở vật chất, chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

1.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ cán bộ quản lý: Thạc sĩ: 3/3 đồng chí đạt 100%.

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 100%.

1.3. Chất lượng học sinh:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 99%;

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi học THCS 100%;

Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình THCS đạt 99,8 %.

1.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt thư viện chuẩn mức độ 1; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đặc biệt chú trọng bổ sung các trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu dạy và học, yêu cầu đổi mới giáo dục.

2. Mục tiêu ngắn hạn:

2.1. Năm học 2025-2026, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Công tác phổ cập:

+ Tuyển sinh đầu cấp học sinh 11 tuổi vào lớp 6 đạt 100%

+ Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt 100%, duy trì sĩ số ổn định; tỷ lệ chuyên cần đạt trên 99%.

+ Tỷ lệ huy động HS 14 tuổi hoàn thành chương trình THCS: 100%.

+ Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS đi học tiếp THPT, học nghề và tương đương đạt trên 80%

+ Nhà trường làm tốt công tác duy trì đạt chuẩn các tiêu chí, góp phần đưa xã Mường Tùng tiếp tục duy trì đạt chuẩn Phổ cập GD THCS mức độ 3

- Về chất lượng giáo dục:

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học: 100%, đảm bảo chất lượng của trường chuẩn Quốc gia Mức độ I.

- Về chất lượng đội ngũ:

+ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 100%

+ Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn: 01

+ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên: 100%

+ Tỷ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên: trên 90%

- Về cơ sở vật chất:

+ Hoàn thiện thư viện xanh ngoài trời, nát nền thư viện, khu bếp; Làm trần nhà bếp. Hoàn thiện khu rửa khay cho HS nội trú.

+ Làm nhà đa năng.

+ Sửa chữa nhỏ hệ thống điện, nước khu nội trú, trường.

+ Quét ve chỗ bẩn trên tường, nội trú.

+ Làm khu mái che quần áo cho HS nội trú.

+ Mua bổ sung TB nội trú, TB dạy học, TV, máy chiếu.

2.2. Năm học 2026-2027, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Công tác phổ cập:

+ Tuyển sinh đầu cấp học sinh 11 tuổi vào lớp 6 đạt 100%

+ Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt 100%, duy trì sĩ số ổn định; tỷ lệ chuyên cần đạt trên 99%.

+ Tỷ lệ huy động HS 14 tuổi hoàn thành chương trình THCS: 100%.

+ Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS đi học tiếp THPT, học nghề và tương đương đạt trên 80%

+ Nhà trường làm tốt công tác duy trì đạt chuẩn các tiêu chí, góp phần đưa xã Mường Tùng tiếp tục duy trì đạt chuẩn Phổ cập GD THCS mức độ 3

- Về chất lượng giáo dục:

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học: 100%, đảm bảo chất lượng của trường chuẩn Quốc gia Mức độ I.

- Về chất lượng đội ngũ:

+ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 100%

+ Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn: 0

+ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên: 100%

+ Tỷ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên: 100%

- Về cơ sở vật chất:

+ Mua bổ sung TB nội trú, TB dạy học, TV, máy chiếu.

+ Tiếp tục tu sửa cơ sở vật chất nhỏ: hệ thống điện, nước...

+ Lát sân chơi cho học sinh.

+ Tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp: trồng cây xanh, cây cảnh...

2.3. Năm học 2027-2028, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Công tác phổ cập:

+ Tuyển sinh đầu cấp học sinh 11 tuổi vào lớp 6 đạt 100%.

+ Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt 100%, duy trì sĩ số ổn định; tỷ lệ chuyên cần đạt trên 99%.

+ Tỷ lệ huy động HS 14 tuổi hoàn thành chương trình THCS: 100%.

+ Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS đi học tiếp THPT, học nghề và tương đương đạt trên 80%.

+ Nhà trường làm tốt công tác duy trì đạt chuẩn các tiêu chí, góp phần đưa xã Mường Tùng tiếp tục duy trì đạt chuẩn Phổ cập GD THCS mức độ 3.

- Về chất lượng giáo dục:

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học: 100%, đảm bảo chất lượng của trường chuẩn Quốc gia Mức độ I.

- Về chất lượng đội ngũ:

+ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 100%

+ Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn: 3,0%

+ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên: 100%

+ Tỷ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên: 100%

- Về cơ sở vật chất:

+ Mua bổ sung TB nội trú, TB dạy học, TV, máy chiếu.

+ Tiếp tục tu sửa cơ sở vật chất nhỏ: hệ thống điện, nước...

+ Mở rộng khu vực nhà ăn cho HS, lán mái, lát nền.

+ Xây dựng thêm 03 phòng học.

2.4. Năm học 2028-2029, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Công tác phổ cập:

+ Tuyển sinh đầu cấp học sinh 11 tuổi vào lớp 6 đạt 100%.

+ Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt 100%, duy trì sĩ số ổn định; tỷ lệ chuyên cần đạt trên 99%.

+ Tỷ lệ huy động HS 14 tuổi hoàn thành chương trình THCS: 100%.

+ Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS đi học tiếp THPT, học nghề và tương đương đạt trên 80%

+ Nhà trường làm tốt công tác duy trì đạt chuẩn các tiêu chí, góp phần đưa xã Mường Tùng tiếp tục duy trì đạt chuẩn Phổ cập GD THCS mức độ 3.

- Về chất lượng giáo dục:

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học: 100%, đảm bảo chất lượng của trường chuẩn Quốc gia Mức độ I.

- Về chất lượng đội ngũ:

+ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 100%

+ Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn: 6,0%

+ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên: 100%.

+ Tỷ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên: 100%.

- Về cơ sở vật chất:

+ Mua bổ sung TB nội trú, TB dạy học, TV, máy chiếu.

+ Tiếp tục tu sửa cơ sở vật chất nhỏ: hệ thống điện, nước...

+ Làm mái che khu vực sân khu nội trú.

+ Xây dựng thêm các phòng quản trị, thư viện (8 phòng)

2.5. Năm học 2029-2030, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Công tác phổ cập:

+ Tuyển sinh đầu cấp học sinh 11 tuổi vào lớp 6 đạt 100%.

+ Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt 100%, duy trì sĩ số ổn định; tỷ lệ chuyên cần đạt trên 99%.

- + Tỷ lệ huy động HS 14 tuổi hoàn thành chương trình THCS: 100%.
- + Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS đi học tiếp THPT, học nghề và tương đương đạt trên 80%.
- + Nhà trường làm tốt công tác duy trì đạt chuẩn các tiêu chí, góp phần đưa xã Mường Tùng tiếp tục duy trì đạt chuẩn Phổ cập GD THCS mức độ 3.
- Về chất lượng giáo dục:
 - Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học: 100%, đảm bảo chất lượng của trường chuẩn Quốc gia Mức độ I.
- Về chất lượng đội ngũ:
 - + Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 100%
 - + Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn: 9,0%
 - + Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên: 100%
 - + Tỷ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên: 100%
- Về cơ sở vật chất:
 - + Mua bổ sung TB nội trú, TB dạy học, TV, máy chiếu....
 - + Tiếp tục tu sửa cơ sở vật chất nhỏ: hệ thống điện, nước...
 - + Sửa chữa nâng cấp nhà vệ sinh cho HS nội trú.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường nguồn lực và cải thiện cơ sở vật chất

Huy động nguồn lực từ xã hội hóa: Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đóng góp vào việc nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập (máy tính, bảng tương tác, thiết bị học tập phù hợp với học sinh miền núi).

Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước: Đề xuất với các cấp chính quyền địa phương, đặc biệt là các cấp xã và Sở giáo dục, để có chính sách đầu tư trực tiếp vào cơ sở vật chất, bao gồm cải tạo phòng học, xây dựng khu bán trú, sửa chữa các công trình xuống cấp.

Phát triển mô hình học tập ngoại khóa: Xây dựng các khu vực học tập ngoài trời (thư viện ngoài trời, sân chơi sáng tạo) để tận dụng không gian tự nhiên, làm phong phú thêm các hoạt động học tập của học sinh.

2. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên: Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên, đặc biệt là việc nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Khuyến khích giáo viên tham gia các khóa học online, tập huấn chuyên môn để cập nhật kiến thức mới.

Hỗ trợ giáo viên vùng khó khăn: Thực hiện chính sách động viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích giáo viên gắn bó lâu dài với trường.

Chú trọng bồi dưỡng giáo viên về phương pháp giảng dạy cho học sinh vùng miền núi: Đặc biệt chú trọng vào các phương pháp giáo dục gần gũi với học sinh vùng sâu, vùng xa, giúp học sinh phát huy được tiềm năng và khả năng sáng tạo của mình.

3. Ứng dụng công nghệ và phát triển học liệu số

Sử dụng phần mềm quản lý học sinh, giáo viên, điểm số và lịch học giúp tăng cường hiệu quả quản lý và giảm thiểu công việc hành chính.

Áp dụng hệ thống công nghệ để theo dõi tài chính, quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, đảm bảo sử dụng nguồn lực hiệu quả.

Sử dụng công nghệ hỗ trợ giảng dạy: Tích hợp bảng điện tử, máy chiếu, tivi thông minh và các phần mềm giảng dạy số giúp nâng cao chất lượng bài giảng, tạo môi trường học tập tương tác, sinh động.

4. Cải thiện chất lượng giáo dục và kết quả học tập

Đổi mới phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sáng tạo như học theo dự án, học theo nhóm, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ, thể dục thể thao, văn nghệ để phát triển toàn diện.

Đánh giá và phát hiện học sinh năng khiếu: Tổ chức các cuộc thi, sân chơi trí tuệ để phát hiện học sinh có năng khiếu đặc biệt, đặc biệt là những học sinh có khả năng về văn hóa, thể thao, nghệ thuật, từ đó tạo điều kiện để các em phát triển tài năng.

Xây dựng chương trình giáo dục hòa nhập và kỹ năng sống: Tổ chức các lớp học về kỹ năng sống cho học sinh, giúp các em hiểu rõ về giá trị của bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội, đồng thời phát triển các kỹ năng như làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết vấn đề.

5. Tăng cường công tác phối hợp với cộng đồng và gia đình

Phối hợp với chính quyền địa phương: Tăng cường sự phối hợp với các cấp chính quyền và các tổ chức xã hội trong việc hỗ trợ học sinh, đặc biệt là các em có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các em đến trường và học tập tốt.

Xây dựng mối quan hệ mật thiết với phụ huynh học sinh: Tổ chức các cuộc họp định kỳ với phụ huynh để thông báo kết quả học tập của học sinh, trao đổi về các phương án hỗ trợ học sinh yếu kém, đồng thời nâng cao nhận thức của phụ huynh về tầm quan trọng của việc học.

Khuyến khích cộng đồng tham gia vào giáo dục: Mời các bậc phụ huynh, các nhân vật có uy tín trong cộng đồng tham gia vào các hoạt động giáo dục của trường, từ đó tạo nên sự gắn kết giữa nhà trường và cộng đồng.

6. Phát triển mô hình bán trú và học tập linh hoạt

Cải thiện điều kiện học sinh bán trú: Đầu tư cải tạo cơ sở vật chất cho học sinh bán trú, xây dựng khu vực ăn uống, nghỉ ngơi đầy đủ, sạch sẽ và an toàn.

Mô hình học tập linh hoạt: Tổ chức các lớp học linh hoạt, có thể tổ chức vào buổi chiều hoặc các giờ buổi tối cho học sinh bán trú, giúp học sinh phát triển toàn diện cho học sinh

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

Sử dụng nghiêm túc có hiệu quả nguồn Ngân sách nhà nước cấp;

Xây dựng hệ thống sổ sách tài chính; lập dự toán, quyết toán đúng nguyên tắc tài chính.

2. Kinh phí từ xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác

Thực hiện huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác đúng quy định theo thông tư 16/2018/TT-BGDĐT về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược nhà trường

Tổ chức hội nghị, triển khai qua ứng dụng Zalo, website phổ biến kế hoạch chiến lược cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và cộng đồng để đảm bảo sự đồng thuận và cam kết thực hiện.

Cập nhật thường xuyên tiến độ thực hiện kế hoạch và phản hồi từ các bộ phận để có sự điều chỉnh kịp thời.

2. Trách nhiệm thực hiện

2.1. Ban chỉ ủy

Lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược: Ban Chỉ ủy có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kế hoạch chiến lược được thực hiện đúng đắn và hiệu quả. Ban Chỉ ủy phải bảo đảm các mục tiêu giáo dục của nhà trường phù hợp với các chủ trương, chính sách của Đảng, chính quyền địa phương.

Giám sát và đánh giá kết quả: Thực hiện giám sát việc triển khai các mục tiêu, kế hoạch của nhà trường, đảm bảo công tác giáo dục đi đúng hướng và hiệu quả.

2.2. Hiệu trưởng

Tham mưu Đảng ủy xã đưa các chỉ tiêu giáo dục đã được hội đồng trường thông qua vào Nghị quyết Đảng bộ xã Mường Tùng lần thứ I giai đoạn 2025-2030.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Hàng năm, rà soát đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, có điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm năm học, tình hình thực tế của nhà trường và địa phương.

2.3. Các tổ chuyên môn và đoàn thể trong trường

*** Đối với tổ chuyên môn**

Trên cơ sở kế hoạch của trường, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu đối với từng tổ chuyên môn và tổ chức thực hiện kế hoạch, có kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch tại tổ. Đồng thời đề xuất các giải pháp để thực hiện tốt kế hoạch.

2.4. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch cá nhân theo từng năm học, thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, công tác dạy học và giáo dục học sinh, cùng thực hiện thành công kế hoạch đề ra. Tham gia rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

2.5. Học sinh

Thực hiện nhiệm vụ của người học sinh dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên nhằm hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện

2.6. Ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh học sinh

Phối hợp cùng nhà trường trong công tác truyền thông, tuyên truyền đến CMHS biết về kế hoạch phát triển nhà trường để cùng đồng thuận và tham gia, hỗ trợ nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, xây dựng nhà trường theo mục tiêu kế hoạch đề ra.

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với UBND xã Mường Tùng

Hỗ trợ hướng dẫn về cơ chế chính sách, tài chính nhân lực để thực hiện các mục tiêu của kế hoạch chiến lược.

Phê duyệt kế hoạch để nhà trường thực hiện.

Đề nghị đầu tư cơ sở vật chất theo hướng kiên cố, hiện đại; mua sắm trang thiết bị dạy và học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục.

2. Với Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Điện Biên

Đề nghị đầu tư cơ sở vật chất theo hướng kiên cố, hiện đại; mua sắm trang thiết bị dạy và học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2025-2030. Kính trình lãnh đạo phòng Văn hoá – Xã hội và UBND xã Mường Tùng phê duyệt để nhà trường có căn cứ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Mường Tùng b/c;
- Phòng VH-XH phê duyệt;
- Ban chỉ ủy;
- Thành viên BGH;
- Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- Website trường;
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG



Đào Xuân Lợi

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG VĂN HOÁ – XÃ HỘI TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Công Huy

BIỂU THỐNG KÊ
 (Kèm theo KH số: 69/KHCL-THCSHL, ngày 18 tháng 11 năm 2025)
 Thống kê số lớp, học sinh giai đoạn 2025-2030
 Biểu số 01

Năm học	Tổng số HS	Tổng số lớp	Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9	
			Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp
2025-2026	343	9	88	2	84	2	77	2	94	3
2026-2027	334	9	85	2	88	3	84	2	77	2
2027-2028	350	9	93	3	85	2	88	2	84	2
2028-2029	355	9	89	2	93	3	85	2	88	2
2029-2030	359	10	92	3	89	2	93	3	85	2

Cơ cấu khối công trình của nhà trường giai đoạn 2025-2030

Biểu số 02

TT	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	
1	Phòng hành chính quản trị						
1.1	Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	
1.2	Phó Hiệu trưởng	2	2	2	2	2	
1.3	Văn phòng	1	1	1	1	1	
1.4	Bảo vệ	1	1	1	1	1	
1.5	Nhà để xe giáo viên	1	1	1	1	1	
1.6	Nhà vệ sinh giáo viên	1	1	1	1	1	
2	Phòng học						
2.1	Tổng số	9	9	9	9	10	
	Kiên cố	6	6	6	6	10	
	Bán kiên cố	3	3	3	3	0	
	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2.2	Tỉ lệ phòng học/lớp	1	1	1	1	1	
3	Phòng học bộ môn						
3.1	Ngoại ngữ	1	1	1	1	1	
3.2	Tin học	1	1	1	1	1	
3.3	Âm nhạc	1	1	1	1	1	
3.4	Mĩ Thuật	1	1	1	1	1	

3.5	GDTC	0	0	0	0	0	
3.6	Khoa học công nghệ	1	1	1	1	1	
3.7	Đa chức năng	1	1	1	1	1	
4	Khối phòng Hỗ trợ học tập						
4.1	Thư viện	1	1	1	1	1	
4.2	Thiết bị giáo dục	1	1	1	1	1	
4.3	Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật	1	1	1	1	1	
4.4	Truyền thông	1	1	1	1	1	
4.5	Đội TNTP Hồ Chí Minh	1	1	1	1	1	
5	Khối phòng phụ trợ						
5.1	Phòng họp	1	1	1	1	1	
5.2	Y tế học đường	1	1	1	1	1	
5.3	Kho	3	3	3	3	3	
5.4	Nhà để xe học sinh	1	1	1	1	1	
5.5	Khu vệ sinh học sinh	2	2	2	2	2	
5.6	Phòng nghỉ giáo viên	0	0	0	0	0	
6	Khối phục vụ sinh hoạt						
6.1	Nhà bếp	1	1	1	1	1	
6.2	Kho bếp	1	1	1	1	1	
6.3	Nhà ăn	1	1	1	1	1	
6.4	Phòng nội trú	13	13	13	13	14	
6.5	Phòng quản lý học sinh	2	2	2	2	2	
6.6	Phòng sinh hoạt chung học sinh nội trú	1	1	1	1	1	
7	Khu sân chơi						
7.1	Diện tích	400	400	400	400	400	
7.2	Đồ chơi ngoài trời						
8	Khu thể dục thể thao (diện tích)	200	200	200	200	200	
8.1	Diện tích						
8.2	Dụng cụ, Thiết bị vận động cho HS	2	2	2	2	3	

Số lượng CBQL, GV, nhân viên giai đoạn 2025-2030

Biểu số 03

a) Số liệu giáo viên, nhân viên

TT	Nội dung	Năm học					Ghi chú
		2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	
1	Tổng số CBQL, GV, NV	24	28.6	30.8	30.8	33	
1.1	Giáo viên Tiếng Anh	2	2	2	2	2	

1.2	Giáo viên Tin học	1	1	1	1	1	
1.3	Giáo viên Âm nhạc	1	1	1	1	1	
1.4	Giáo viên Mỹ thuật	1	1	1	1	1	
1.5	Giáo viên Thể dục	2	2	2	2	2	
2	Tỉ lệ GV/lớp	2.2	2.2	2.2	2.2	2.2	
3	Tổng số giáo viên dạy giỏi	22	20	20	20	22	
3.1	Giáo viên dạy giỏi cấp trường	12	10	10	10	10	
3.2	Giáo viên dạy giỏi cấp xã	7	7	7	7	7	
3.3	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	1	3	3	3	3	
4	Tổng số nhân viên	8	9	9	9	9	
4.1	Thư viện – Thiết bị	1	1	1	1	1	
4.2	Kế toán – Văn thư	2	2	2	2	2	
4.3	Y tế - Thủ quỹ	1	1	1	1	1	
4.4	Bảo vệ	1	1	1	1	1	
4.5	Nhân viên nấu ăn	4	4	4	4	4	

b) Đảng viên, trình độ chuyên môn, LLCT, xếp loại chuẩn nghề nghiệp

Năm học	Tổng số	Đảng viên	Trình độ chuyên môn		Lý luận chính trị			Xếp loại chuẩn nghề nghiệp		
			Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Tốt	Khá	Đạt
2025-2026	30	22	24	1	0	4		17	8	0
2026-2027	30	24	24	1	0	4		17	8	0
2027-2028	30	25	24	1	0	5		18	7	0
2028-2029	30	26	24	1	0	6		18	7	0
2029-2030	32	27	25	2	0	7		19	8	0

Thống kê chất lượng giáo dục giai đoạn 2025-2030

Biểu số 04

Năm học 2025-2026

a) Rèn luyện: Đánh giá 339/343 HS. Có 04 HS KT không đánh giá

Khối lớp	TS HS	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
6	86	67	77,9	17	19,8	2	2,3	0	0
7	85	65	76,4	19	22,4	1	1,2	0	0
8	76	60	78,9	16	21,1	0	0	0	0
9	92	72	78,2	19	20,7	1	1,1	0	0
Cộng	339	264	77,9	71	20,9	4	1,2	0	0

b) Học tập: Đánh giá 339/343 HS. Có 04 HS KT không đánh giá

Khối	TS HS	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
6	86	7	8,1	30	34,9	47	54,7	2	2,3
7	85	7	8,2	29	34,1	47	53,3	2	2,4
8	76	6	7,9	26	34,2	43	56,6	1	1,3
9	92	5	5,4	34	37	53	57,6	0	0

Cộng	339	25	7,4	119	35,1	190	56	5	1,5
-------------	-----	-----------	-----	------------	------	------------	----	----------	-----

Năm học 2026-2027

a) Rèn luyện: Đánh giá 332/334 HS. Có 02 HS KT không đánh giá

Khối lớp	TS HS	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
6	85	66	77,6	18	21,2	1	1,2	0	0
7	86	67	77,9	18	20,9	1	1,2	0	0
8	85	66	77,6	18	21,2	1	1,2	0	0
9	76	60	79	15	19,7	1	1,3	0	0
Cộng	332	259	78	69	20,8	4	1,2	0	0

b) Học tập: Đánh giá 332/334 HS. Có 02 HS KT không đánh giá

Khối	TS HS	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
6	85	7	8,2	30	35,3	46	54,1	2	2,4
7	86	7	8,1	30	34,9	47	54,7	2	2,3
8	85	6	7,1	30	35,3	48	56,5	1	1,2
9	76	5	6,6	27	35,5	44	57,9	0	0
Cộng	332	25	7,5	117	35,2	185	55,7	5	1,5

Năm học 2027-2028

a) Rèn luyện: Đánh giá 347/350 HS. Có 03 HS KT không đánh giá

Khối lớp	TS HS	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
6	91	71	78	18	19,8	2	2,2	0	0
7	85	66	77,6	18	21,2	1	1,2	0	0
8	86	67	77,9	18	20,9	1	1,2	0	0
9	85	66	77,6	18	21,2	1	1,2	0	0
Cộng	347	270	77,8	72	20,7	5	1,4	0	0

b) Học tập: Đánh giá 347/350 HS. Có 03 HS KT không đánh giá

Khối	TS HS	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
6	91	8	8,8	31	34,1	50	54,9	2	2,2
7	85	7	8,2	30	35,3	46	54,1	2	2,4
8	86	7	8,1	30	34,9	48	55,8	1	1,2
9	85	6	7,1	30	35,3	48	56,5	1	1,2
Cộng	347	28	8,1	121	34,9	192	55,3	6	1,7

Năm học 2028-2029

a) Rèn luyện: Đánh giá 353/355 HS. Có 02 HS KT không đánh giá

Khối lớp	TS HS	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
6	91	73	80,2	17	18,7	1	1,1	0	0
7	91	71	78	19	20,9	1	1,1	0	0
8	85	66	77,6	18	21,2	1	1,2	0	0
9	86	67	77,9	18	20,9	1	1,2	0	0
Cộng	353	277	78,5	72	20,4	4	1,1	0	0

b) Học tập: Đánh giá 353/355 HS. Có 02 HS KT không đánh giá

Khối	TS HS	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
6	91	8	8,8	32	35,2	49	53,8	2	2,2
7	91	8	8,8	31	34,1	50	54,9	2	2,2
8	85	7	8,2	30	35,3	47	55,3	1	1,2
9	86	7	8,1	30	34,9	48	55,8	1	1,2
Cộng	353	30	8,5	123	34,8	194	55	6	1,7

Năm học 2029-2030

a) Rèn luyện: Đánh giá 359/359 HS.

Khối lớp	TS HS	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
6	92	73	79,3	21	22,8	1	1,1	0	0
7	91	71	78	17	18,7	1	1,1	0	0
8	91	70	76,9	19	20,9	1	1,1	0	0
9	85	66	77,6	18	21,2	1	1,2	0	0
Cộng	359	280	78	75	20,9	4	1,1	0	0

b) Học tập: Đánh giá 359/359 HS

Khối	TS HS	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
6	92	9	9,8	33	35,9	48	52,2	2	2,2
7	91	8	8,8	32	35,2	50	54,9	1	1,1
8	91	8	8,8	31	34,1	51	56	1	1,1
9	85	6	7,1	30	35,3	48	56,5	1	1,2
Cộng	359	30	8,4	126	35,1	197	54,9	5	1,4